

# **BẢN TIN PHÁP LUẬT THÁNG 3/2026**



## MỤC LỤC

### A-VĂN BẢN MỚI CỦA NHÀ NƯỚC

1. Nghị định 68/2026/NĐ-CP quy định về chính sách thuế và quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh
2. Thông tư 152/2025/TT-BTC hướng dẫn kế toán cho các hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành
3. Thông tư 18/2026/TT-BTC quy định về hồ sơ, thủ tục quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành

### B-CÁC CÔNG VĂN HƯỚNG DẪN GIẢI ĐÁP

1. Công văn 1237/CT-CS của Cục Thuế về chính sách thuế giá trị gia tăng
2. Công văn 13399/CHQ-GSQL của Cục Hải quan về thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất nhập khẩu
3. Công văn 1296/CT-NVT của Cục Thuế về việc hướng dẫn quyết toán thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công
4. Công văn 861/TNI-QLDN2 của Thuế tỉnh Tây Ninh về việc hóa đơn chiết khấu
5. Công văn 1286/CT-CS của Cục Thuế về tiền sử dụng đất
6. Công điện 05/CĐ-CT của Cục Thuế về việc triển khai Nghị định 68/2026/NĐ-CP ngày 05/3/2026 của Chính phủ quy định về chính sách thuế và quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh
7. Công văn 241/SLA-QLDN của Thuế tỉnh Sơn La về việc khai thuế, nộp thuế thay cho hộ kinh doanh
8. Công văn 732/TNI-QLDN3 của Thuế tỉnh Tây Ninh về việc chính sách thuế giá trị gia tăng
9. Công văn 654/TNI-QLDN1 của Thuế tỉnh Tây Ninh về chính sách thuế Thu nhập doanh nghiệp
10. Công văn 2864/DON-QLDN1 của Thuế tỉnh Đồng Nai về việc chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp

**A - VĂN BẢN MỚI CỦA NHÀ NƯỚC**

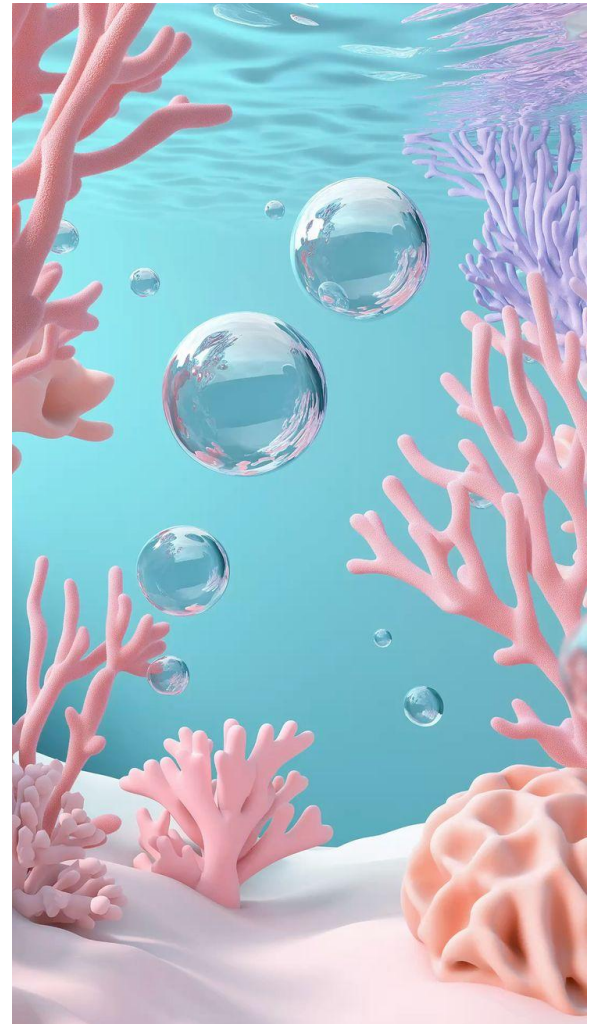


**Ngày 5/3/2026, Chính phủ ban hành Nghị định 68/2026/NĐ-CP quy định về chính sách thuế và quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh:**

Theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 8 Nghị định 68/2026/NĐ-CP thì việc khai thuế, tính thuế đối với hộ kinh doanh được thực hiện như sau:

(1) Khai thuế, tính thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân - Trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh tự xác định có mức doanh thu năm từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ từ 500 triệu đồng trở xuống thì hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thông báo doanh thu thực tế phát sinh trong năm với cơ quan thuế chậm nhất là ngày 31 tháng 01 của năm dương lịch tiếp theo.

Trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh phát sinh doanh thu thực tế trên 500 triệu đồng trong năm thì thực hiện khai thuế, nộp thuế kể từ quý phát sinh doanh thu trên 500 triệu đồng. Số thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân phải nộp xác định theo quy định tại Điều 3, Điều 4 Nghị định 68/2026/NĐ-CP;



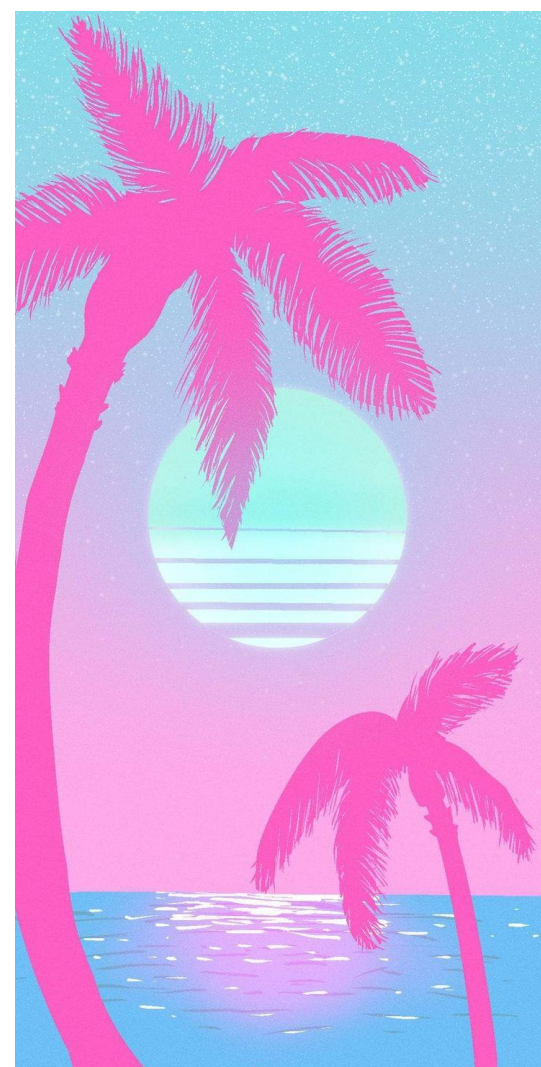
- Trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh tự xác định có mức doanh thu năm từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ trên 500 triệu đồng bao gồm cả doanh thu đã được tổ chức, cá nhân khấu trừ, khai thay, nộp thay thì tính thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân theo quy định tại Điều 3, Điều 4 Nghị định 68/2026/NĐ-CP. Việc kê khai, nộp thuế thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định 68/2026/NĐ-CP.

Trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế, hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối dữ liệu với cơ quan thuế, Hệ thống thông tin quản lý thuế tự động tạo lập tờ khai thuế để hỗ trợ hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh trong việc khai thuế, tính thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân trên cơ sở dữ liệu hóa đơn điện tử, cơ sở dữ liệu quản lý thuế và các nguồn cơ sở dữ liệu khác mà cơ quan thuế có được từ cơ quan nhà nước khác, tổ chức, cá nhân cung cấp.

Việc hỗ trợ của cơ quan thuế không thay thế trách nhiệm khai thuế và xác định số thuế phải nộp của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, chính xác của hồ sơ khai thuế.

(2) Khai thuế, tính thuế đối với các loại thuế khác

Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh tự xác định số thuế phải nộp theo quy định của pháp luật về thuế và thực hiện khai thuế, nộp thuế cùng với kỳ khai thuế giá trị gia tăng hoặc cùng thời hạn thông báo doanh thu thực tế phát sinh.



**Ngày 31/12/2025, Bộ Tài chính ban hành Thông tư 152/2025/TT-BTC hướng dẫn kê toán cho các hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh:**

Theo đó, quy định về sổ kế toán và lưu trữ tài liệu kê toán hộ kinh doanh như sau:

- Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh được lựa chọn lưu trữ các tài liệu kê toán (hóa đơn, chứng từ kê toán, sổ kế toán,...) trên phương tiện điện tử hoặc bằng bản giấy.

- Thời hạn lưu trữ tài liệu kê toán của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh tối thiểu là 05 năm, đối với thời hạn lưu trữ hóa đơn thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế.

- Ngoài các sổ kế toán hướng dẫn tại Thông tư 152/2025/TT-BTC, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có thể bổ sung thêm các sổ kế toán hoặc sửa đổi lại biểu mẫu các sổ kế toán cho phù hợp với nhu cầu của đơn vị. Sổ kế toán được mở thêm hoặc sửa đổi lại biểu mẫu vẫn phải ghi rõ tên sổ; ngày, tháng, năm lập sổ; họ tên và chữ ký, đóng dấu (nếu có) của người đại diện hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.

- Trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh sử dụng hóa đơn điện tử mà được hệ thống thông tin quản lý thuế của cơ quan thuế hỗ trợ xác định số thuế giá trị gia tăng (GTGT), thuế thu nhập cá nhân (TNCN), các loại thuế khác phải nộp (nếu có) và thông báo cho người nộp thuế thì hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh sử dụng các mẫu sổ kế toán hướng dẫn tại Thông tư 152/2025/TT-BTC để theo dõi, đối chiếu với số thuế phải nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Bên cạnh đó, quy định cũng nêu rõ người đại diện hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh tự ghi chép sổ sách kê toán hoặc bố trí người làm kế toán hoặc thuê dịch vụ làm kế toán cho hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Người đại diện hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có thể bố trí cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, anh, chị, em ruột của mình làm kế toán cho hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh hoặc bố trí người làm quản lý, điều hành, thủ kho, thủ quỹ, người được giao nhiệm vụ thường xuyên mua, bán tài sản kiêm nhiệm làm kế toán cho hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.

Thông tư 152/2025/TT-BTC thay thế Thông tư 88/2021/TT-BTC hướng dẫn chế độ kê toán cho các hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.

**Ngày 05/3/2026, Bộ tài chính ban hành Thông tư 18/2026/TT-BTC quy định về hồ sơ, thủ tục quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh, theo đó:**

Hồ sơ thông báo doanh thu, kê khai thuế với hộ kinh doanh

Theo Điều 4 Thông tư 18/2026/TT-BTC quy định về hồ sơ thông báo doanh thu, kê khai thuế với hộ kinh doanh như sau:

\* Hồ sơ thông báo doanh thu, kê khai thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh

- Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng, không phải nộp thuế thu nhập cá nhân (bao gồm cả hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh mới ra kinh doanh) thông báo doanh thu thực tế phát sinh trong năm và kê khai các loại thuế khác theo Mẫu số 01/TKN-CNKD ban hành kèm theo Thông tư 18/2026/TT-BTC.

- Đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thuộc đối tượng nộp thuế thu nhập cá nhân theo phương pháp thuế suất nhân (x) với doanh thu tính thuế, hồ sơ khai thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân và các loại thuế khác là Tờ khai theo Mẫu số 01/CNKD ban hành kèm theo Thông tư 18/2026/TT-BTC.

- Đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thuộc đối tượng nộp thuế thu nhập cá nhân theo phương pháp thu nhập tính thuế nhân (x) với thuế suất

+ Hồ sơ khai thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân và các loại thuế khác trong năm là Tờ khai theo Mẫu số 01/CNKD ban hành kèm theo Thông tư 18/2026/TT-BTC.

+ Hồ sơ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân là Tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân theo Mẫu số 02/CNKD-TNCN-QTT ban hành kèm theo Thông tư 18/2026/TT-BTC.

- Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đang hoạt động thuộc đối tượng quy định tại điểm b khoản 4 Điều 17 Nghị định 68/2026/NĐ-CP gửi Thông báo số tài khoản/số hiệu ví điện tử theo Mẫu số 01/BK-STK ban hành kèm theo Thông tư 18/2026/TT-BTC chậm nhất là ngày 20/4/2026.

Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đang hoạt động thuộc đối tượng quy định tại điểm a khoản 4 Điều 17 Nghị định 68/2026/NĐ-CP gửi Thông báo số tài khoản/số hiệu ví điện tử theo Mẫu số 01/BK-STK ban hành kèm theo Thông tư 18/2026/TT-BTC kèm theo Tờ khai thuế đầu tiên của năm 2026.



Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh mới ra kinh doanh gửi Thông báo số tài khoản/số hiệu ví điện tử theo mẫu số 01/BK-STK ban hành kèm theo Thông tư 18/2026/TT-BTC kèm theo Thông báo doanh thu hoặc Tờ khai thuế đầu tiên của năm 2026.

Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh khi thay đổi thông tin số tài khoản/số hiệu ví điện tử thì thông báo cho cơ quan thuế theo quy định của pháp luật quản lý thuế.

\* Hồ sơ khai thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân đối với trường hợp tổ chức, cá nhân khấu trừ khai thuế thay, nộp thuế thay

- Đối với tổ chức khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân hợp tác kinh doanh với tổ chức là Tờ khai theo Mẫu số 01/TCKT và Phụ lục Bảng kê chi tiết hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh theo Mẫu số 01/BK-KTHTKD ban hành kèm theo Thông tư 18/2026/TT-BTC

- Đối với tổ chức khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân cho thuê bất động sản, trừ hoạt động kinh doanh lưu trú là Tờ khai theo Mẫu số 01/TCKT và Phụ lục Bảng kê chi tiết cá nhân cho thuê bất động sản theo Mẫu số 02/BK-KTBĐS ban hành kèm theo Thông tư 18/2026/TT-BTC.

- Đối với doanh nghiệp xổ số, bảo hiểm, bán hàng đa cấp trả tiền hoa hồng cho cá nhân trực tiếp ký hợp đồng làm đại lý bán đúng giá; doanh nghiệp bảo hiểm trả phí tích lũy bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm không bắt buộc khác, hồ sơ gồm:

+ Tờ khai theo Mẫu số 01/XSBHĐC ban hành kèm theo Thông tư 18/2026/TT-BTC;

+ Phụ lục Bảng kê chi tiết cá nhân có phát sinh doanh thu từ hoạt động đại lý xổ số, đại lý bảo hiểm, bán hàng đa cấp theo Mẫu số 01/BK-XSBHĐC ban hành kèm theo Thông tư 18/2026/TT-BTC và gửi kèm theo Tờ khai thuế của tháng/quý cuối cùng trong năm tính thuế.

- Đối với cá nhân trực tiếp ký hợp đồng làm đại lý xổ số, đại lý bảo hiểm, đại lý bán hàng đa cấp, hoạt động kinh doanh khác chưa khấu trừ, nộp thuế trong năm là Tờ khai thuế năm theo Mẫu số 01/TKN-CNKD ban hành kèm theo Thông tư 18/2026/TT-BTC.

- Đối với cá nhân cho thuê bất động sản trực tiếp khai thuế với cơ quan thuế là Tờ khai thuế đối với hoạt động cho thuê bất động sản theo Mẫu số 01/BĐS và Phụ lục Bảng kê chi tiết bất động sản theo Mẫu số 01/BK-BĐS ban hành kèm theo Thông tư 18/2026/TT-BTC.

## **B - CÁC CÔNG VĂN HƯỚNG DẪN GIẢI ĐÁP**



**Ngày 2/3/2026, Cục Thuế ban hành Công văn 1237/CT-CS về chính sách thuế giá trị gia tăng, theo đó:**

Cơ sở kinh doanh trong tháng (đối với trường hợp kê khai theo tháng), quý (đối với trường hợp kê khai theo quý) có hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu, có số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ từ 300 triệu đồng trở lên thì được hoàn thuế GTGT theo tháng, quý. Theo đó, cơ sở kinh doanh đề nghị hoàn thuế theo tháng, quý nào thì áp dụng chính sách hoàn thuế GTGT có hiệu lực đối với tháng, quý đó; thủ tục hoàn thuế thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

**Ngày 06/03/2026, Cục Hải quan ban hành Công văn 13399/CHQ-GSQL năm 2026 về thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất nhập khẩu.**

Đối với hàng xuất khẩu hàng hóa đến các nước diễn ra xung đột quân sự thuộc khu vực Trung Đông hoặc phải vận chuyển qua khu vực diễn ra xung đột quân sự

- Trường hợp hàng hóa đã đăng ký tờ khai hải quan nhưng thực tế không xuất khẩu:

Nếu doanh nghiệp đề nghị hủy tờ khai hải quan xuất khẩu để đưa hàng hóa trở lại nội địa, Chi cục Hải quan hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện hủy tờ khai hải quan.

Trường hợp hàng hóa đã đưa vào tập kết tại các khu vực cảng biển, cảng hàng không, cửa khẩu để chờ xếp lên phương tiện vận tải xuất cảnh, nếu không thể thực hiện tiếp thủ tục xuất khẩu, cơ quan hải quan tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp được làm thủ tục đưa hàng hóa trở lại nội địa hoặc đưa vào gửi Kho ngoại quan hoặc kho hàng hóa tại cửa khẩu để lưu giữ, bảo quản (ưu tiên đối với các hàng hóa dễ bị hư hỏng, hàng hóa có thời gian sử dụng ngắn hạn...).

- Trường hợp hàng hóa đã hoàn thành thủ tục xuất khẩu đã xếp lên phương tiện xuất cảnh hoặc đang vận chuyển đến nước nhập khẩu hoặc đã vận chuyển đến nước nhập khẩu nhưng phải tái nhập trở lại Việt Nam:

Hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện thủ tục hải quan tái nhập theo quy định tại Điều 47 Nghị định 08/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 25 Điều 1 Nghị định 167/2025/NĐ-CP. Cơ quan hải quan tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp được làm thủ tục tái nhập hàng trở lại Việt Nam (ưu tiên đối với các hàng hóa dễ bị hư hỏng, hàng hóa có thời gian sử dụng ngắn hạn...).

## **Ngày 4/3/2026 Cục Thuế ban hành Công văn 1296/CT-NVT về việc hướng dẫn quyết toán thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công, theo đó:**

Mức giảm trừ gia cảnh khi quyết toán thuế TNCN năm 2025 tiếp tục được áp dụng theo Nghị quyết số 954/2020/UBTVQH14 ngày 02/6/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Cụ thể:

- Mức giảm trừ đối với người nộp thuế: 11 triệu đồng/tháng (132 triệu đồng/năm);

- Mức giảm trừ đối với mỗi người phụ thuộc: 4,4 triệu đồng/tháng. Từ kỳ tính thuế năm 2026 (từ ngày 01/01/2026), mức giảm trừ gia cảnh được điều chỉnh theo Nghị quyết số 110/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Theo đó:

- Mức giảm trừ đối với người nộp thuế: 15,5 triệu đồng/tháng (tương đương 186 triệu đồng/năm);

- Mức giảm trừ đối với mỗi người phụ thuộc: 6,2 triệu đồng/tháng. Việc điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh này được áp dụng cho kỳ tính thuế năm 2026 theo quy định của Nghị quyết nêu trên.

Đối với kỳ quyết toán thuế năm 2025, cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công vẫn áp dụng biểu thuế lũy tiến từng phần gồm 07 bậc thuế theo quy định tại Luật Thuế thu nhập cá nhân 2007, số 04/2007/QH12 và các văn bản sửa đổi, bổ sung...



**Ngày 24/2/2026 Cục Thuế tỉnh Tây Ninh ban hành Công văn 861/TNI-QLDN2 về việc hóa đơn chiết khấu, theo đó:**

Số tiền chiết khấu đối với số lượng hàng hóa đã bán, Công ty được tính điều chỉnh trên hóa đơn bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ của lần mua cuối cùng, đảm bảo số tiền chiết khấu không vượt quá giá trị hàng hóa, dịch vụ ghi trên hóa đơn của lần mua cuối cùng (kết thúc niên độ) hoặc được lập hóa đơn điều chỉnh kèm theo bảng kê các số hóa đơn cần điều chỉnh, số tiền, tiền thuế điều chỉnh. Bảng kê được lưu tại đơn vị và xuất trình khi cơ quan thuế hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu được quy định khoản 13 Điều 1 Nghị định 70/2025/NĐ-CP.

**Ngày 04/3/2026 Cục Thuế ban hành Công văn 1286/CT-CS về tiền sử dụng đất, theo đó:**

1. Về tiền sử dụng đất khi chuyển mục đích sử dụng đất

Trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án mà thuộc trường hợp phải nộp tiền sử dụng đất khi chuyển mục đích thì phải nộp tiền sử dụng đất bằng mức chênh lệch giữa tiền sử dụng đất của loại đất sau khi chuyển mục đích sử dụng đất và tiền sử dụng đất của loại đất trước khi chuyển mục đích sử dụng đất cho thời gian còn lại.

2. Về đất có nguồn gốc nhận góp vốn

Trường hợp khi hộ gia đình, cá nhân góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp theo pháp luật có liên quan có phải làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất cho doanh nghiệp và có được coi là nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hay không để áp dụng khấu trừ vào tiền sử dụng đất phải nộp không thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất mà thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật đất đai, thuộc chức năng hướng dẫn của cơ quan nông nghiệp và môi trường.

**Ngày 7/3/2026 Cục Thuế ban hành Công điện 05/CD-CT về việc triển khai Nghị định 68/2026/NĐ-CP ngày 05/3/2026 của Chính phủ quy định về chính sách thuế và quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh, theo đó:**

Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh bắt đầu hoạt động sản xuất, kinh doanh trong 06 tháng đầu năm nếu có doanh thu thực tế từ 500 triệu đồng trở xuống thì thực hiện thông báo doanh thu thực tế phát sinh kể từ khi bắt đầu hoạt động sản xuất, kinh doanh đến hết ngày 30 tháng 6 với cơ quan thuế quản lý trực tiếp chậm nhất là ngày 31 tháng 7 và thông báo doanh thu thực tế phát sinh trong 06 tháng cuối năm chậm nhất là ngày 31 tháng 01 của năm dương lịch tiếp theo.

Trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh bắt đầu hoạt động sản xuất, kinh doanh trong 06 tháng cuối năm nếu có doanh thu thực tế từ 500 triệu đồng trở xuống thì thực hiện thông báo doanh thu thực tế phát sinh chậm nhất là ngày 31 tháng 01 của năm dương lịch tiếp theo.

Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh mới bắt đầu hoạt động sản xuất, kinh doanh, khi có doanh thu lũy kế trên 500 triệu đồng thì thực hiện khai thuế theo quý theo quy định tại Điều 10 Nghị định này kể từ quý phát sinh doanh thu trên 500 triệu đồng.

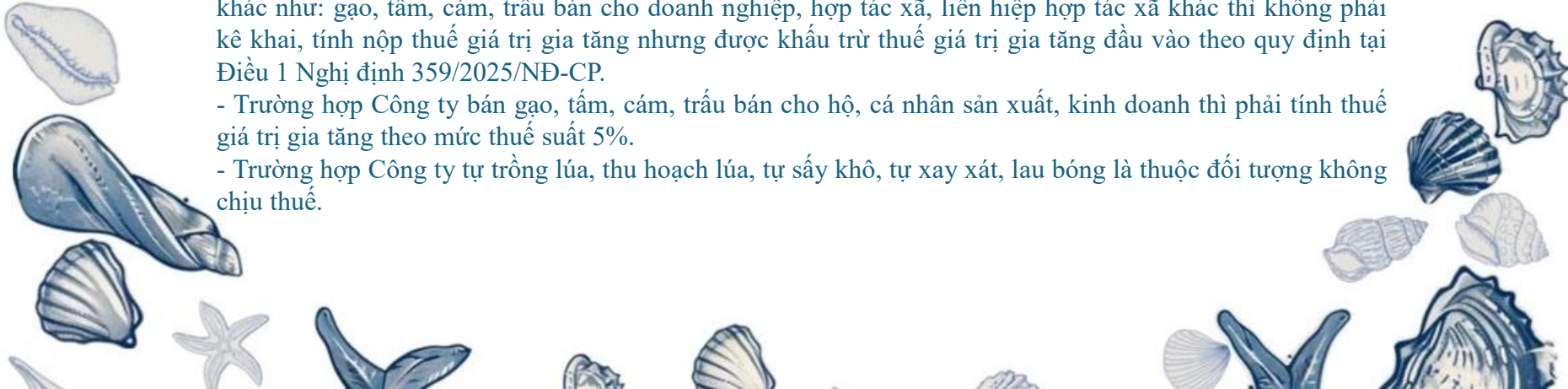


**Ngày 04/3/2026, Cục Thuế tỉnh Sơn La ban hành Công văn 241/SLA-QLDN về việc khai thuế, nộp thuế thay cho hộ kinh doanh, theo đó:**

Theo quy định tại Khoản 6 Điều 10 Nghị quyết số 198/2025/QH 15, Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh không áp dụng phương pháp khoán thuế kể từ ngày 01/01/2026. Theo đó, các quy định tại Nghị định số 126/2020/NĐ-CP và Thông tư số 40/2021/TT-BTC quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành liên quan đến nội dung hướng dẫn khai, nộp thuế thay đổi với khoản Tổ chức chi trả các khoản thưởng, hỗ trợ đạt doanh số, khuyến mại, chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán, chi hỗ trợ bằng tiền hoặc không bằng tiền cho cá nhân là các hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán hết hiệu lực

**Ngày 6/2/2026 Cục Thuế tỉnh Tây Ninh ban hành Công văn 732/TNI-QLDN3 về việc chính sách thuế giá trị gia tăng, theo đó:**

- Trường hợp Công ty mua mặt hàng lúa từ người nông dân chỉ qua sơ chế thông thường thành sản phẩm khác như: gạo, tấm, cám, trấu bán cho doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khác thì không phải kê khai, tính nộp thuế giá trị gia tăng nhưng được khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào theo quy định tại Điều 1 Nghị định 359/2025/NĐ-CP.
- Trường hợp Công ty bán gạo, tấm, cám, trấu bán cho hộ, cá nhân sản xuất, kinh doanh thì phải tính thuế giá trị gia tăng theo mức thuế suất 5%.
- Trường hợp Công ty tự trồng lúa, thu hoạch lúa, tự sấy khô, tự xay xát, lau bóng là thuộc đối tượng không chịu thuế.



**Ngày 04/2/2026 Cục Thuế tỉnh Tây Ninh ban hành Công văn 654/TNI-QLDN1 về chính sách thuế Thu nhập doanh nghiệp, theo đó:**

**1. Về điều kiện thanh toán không dùng tiền mặt**

Kể từ ngày 15/12/2025, điều kiện bắt buộc về chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt tại điểm c khoản 1 Điều 9 Nghị định số 320/2025/NĐ-CP được áp dụng đối với mọi khoản chi mua hàng hoá, dịch vụ và các khoản thanh toán khác có giá trị từng lần từ 05 triệu đồng trở lên.

Đối chiếu với quy định trên, trường hợp Công ty chi trả tiền lương, tiền công cho người lao động (thuộc nhóm "các khoản thanh toán khác") có giá trị từ 05 triệu đồng/lần trở lên bằng tiền mặt, khoản chi này không đủ điều kiện ghi nhận vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế Thu nhập doanh nghiệp.

**2. Về ủy quyền nhận thay lương**

Trường hợp người lao động của Công ty không có tài khoản ngân hàng và thực hiện ủy quyền hợp pháp cho cá nhân khác nhận thay tiền lương, Công ty được phép chi trả vào tài khoản ngân hàng của người được ủy quyền. Khoản chi này được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế TNDN nếu đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:

- Về hồ sơ lao động: Có đầy đủ Hợp đồng lao động, Bảng chấm công, Bảng tính lương thể hiện khoản chi thực tế phát sinh phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh.
- Về tính pháp lý của sự ủy quyền: Có Hợp đồng ủy quyền/Giấy ủy quyền được lập theo đúng quy định của pháp luật dân sự (phải được công chứng, chứng thực tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền), trong đó nêu rõ nội dung ủy quyền nhận lương, thông tin nhân thân của người ủy quyền và người được ủy quyền, thông tin tài khoản ngân hàng nhận thay.
- Về chứng từ thanh toán: Có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt (đối với khoản chi từ 05 triệu đồng trở lên) chuyển vào tài khoản của người được ủy quyền, nội dung chứng từ (Ủy nhiệm chi) ghi rõ nội dung thanh toán lương cho người lao động theo văn bản ủy quyền tương ứng.

**Ngày 13/2/2026 Công văn 2864/DON-QLDN1 của Thuế tỉnh Đồng Nai về việc chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp, theo đó:** Trường hợp Công ty có khoản chi thanh toán tiền lương, tiền công trả cho người lao động đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định 320/2025/NĐ-CP và không thuộc các khoản chi không được trừ quy định tại khoản 8 Điều 10 Nghị định 320/2025/NĐ-CP thì khoản chi thanh toán tiền lương, tiền công này được xác định là khoản chi được trừ khi tính thuế TNDN trong kỳ. Trong đó, đối với khoản chi thanh toán tiền lương, tiền công từng lần có giá trị từ 05 triệu đồng trở lên cho người lao động kể từ ngày Nghị định 320/2025/NĐ-CP có hiệu lực thi hành (ngày 15/12/2025), để được tính vào chi phí được trừ thì doanh nghiệp phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt. Việc xác định chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt thực hiện theo quy định tại Điều 26 Nghị định 181/2025/NĐ-CP.

**Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm:**

*Các thông tin trên Bản tin của Công ty Kiểm toán CPA VIETNAM được chúng tôi cập nhật từ các văn bản pháp quy do các cơ quan nhà nước ban hành trên các phương tiện thông tin đại chúng và cho mục đích tham khảo. Bản tin này nhằm chuyển tới Quý vị các thông tin khái quát không bao gồm toàn bộ các nội dung cụ thể có liên quan và không được sử dụng như các thông tin tư vấn cụ thể. Các tổ chức, cá nhân nếu muốn áp dụng các quy định khái quát trong tài liệu này vào trường hợp cụ thể nào đó đều cần phải có sự tham khảo ý kiến của các chuyên gia tư vấn của chúng tôi. Do vậy, Công ty Kiểm toán CPA VIETNAM sẽ không chịu bất cứ thiệt hại do kết quả của việc người đọc chỉ dựa vào các thông tin khái quát trong tài liệu này.*



**Trụ sở chính**

Tầng 8, Cao ốc Văn phòng VG Building, 235  
Nguyễn Trãi, P. Khương Đình, TP. Hà Nội.

Tel : 024 3783 2121

Fax: 024 3783 2122

**CN. Miền Bắc**

Số 97 Trần Quốc Toản, Phường Cửa Nam,  
TP. Hà Nội.

Tel : 024 7306 1268

Fax: 024 7306 1269

**VP. Đại diện**

Tầng 3, tòa B Cao ốc Văn phòng VG  
Building, 235 Nguyễn Trãi, P. Khương Đình,  
TP. Hà Nội.

Tel : 024 6666 6368

Fax: 024 6666 6368

**CN. Miền Nam**

Tầng 4, Cao ốc Văn phòng Hoàng Anh  
Safomec, 7/1 Thành Thái, P. Diên Hồng,  
TP. Hồ Chí Minh.

Tel : 028 3832 9969

Fax: 028 3832 9959